ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 645 /BC-UBND	*Huyện Dương Minh Châu, ngày 13 tháng 12 năm 2021*

BÁO CÁO

Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện trình Hội đồng nhân dân huyện năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu báo cáo công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện trình Hội đồng nhân dân huyện năm 2022.

I. Dự toán thu, chi ngân sách

Căn cứ số liệu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022; các chế độ, chính sách nhà nước hiện hành. Dự toán NSNN năm 2022 phân bổ như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước năm 2022: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 175.160 triệu đồng, giảm 11,69% so dự toán năm 2021, trong đó:

- Huyện thu 165.880 triệu đồng, giảm 14,63% so dự toán năm 2021.
- Xã, thị trấn thu 9.280 triệu đồng, giảm 0,4% so dự toán năm 2021.

2. Thu ngân sách địa phương năm 2022: 420.280 triệu đồng, tăng 7,16% so dự toán năm 2021, trong đó:

- Thu điều tiết 185.810 triệu đồng (trong đó tỉnh thu điều tiết cho huyện 15.650 triệu đồng).
- Thu trợ cấp cân đối 233.730 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh 740 triệu đồng.

3. Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương là 420.280 triệu đồng, tăng 7,16% so dự toán năm 2021, bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách: 419.540 triệu đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 740 triệu đồng.

II. Cân đối ngân sách địa phương

a. Tổng thu ngân sách địa phương 420.280 triệu đồng.

- Thu cân đối NSĐP hưởng 100% và thu điều tiết 185.810 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 234.470 triệu đồng.

+ Bổ sung cân đối 233.730 triệu đồng.

+ Bổ sung các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 740 triệu đồng.

b. Tổng chi ngân sách địa phương 420.280 triệu đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 419.540 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 53.340 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên 356.810 triệu đồng.

+ Chi dự phòng 8.390 triệu đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 740 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện trình Hội đồng nhân dân huyện năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lãnh đạo VP và CVKT;
- Lưu: VT, VP.HĐND và UBND huyện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU T. TÂY NINH

Đặng Thủ Thừa

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG MẪU BIỂU CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

(Kè theo Tờ trình số 645 /TTR-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)

Biểu mẫu	Nội dung
1. Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện	
Biểu số 69/CK-NSNN	Cân đối ngân sách huyện năm...
Biểu số 70/CK-NSNN	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện và ngân sách xã năm…
Biểu số 71/CK-NSNN	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Biểu số 72/CK-NSNN	Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã theo cơ cấu chi năm…
Biểu số 73/CK-NSNN	Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực năm...
Biểu số 74/CK-NSNN	Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức năm…
Biểu số 75/CK-NSNN	Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...
Biểu số 76/CK-NSNN	Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...
Biểu số 77/CK-NSNN	Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã năm…
Biểu số 78/CK-NSNN	Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã năm…
Biểu số 79/CK-NSNN	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách xã năm…
Biểu số 80/CK-NSNN	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm…

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU **Biểu số 69/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	UTH năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**392.190**	**560.700**	**420.280**	
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**205.239**	**182.297**	**185.810**	
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%				
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**186.951**	**331.259**	**234.470**	
-	Thu bổ sung cân đối	150.041	150.041	233.730	
-	Bổ sung thực hiện tiền lương	15.690	15.690		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	21.220	165.528	740	
III	**Thu kết dư**		**7.579**		
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**39.565**		
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**392.190**	**513.380**	**420.280**	
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	370.970	467.855	419.540	
1	Chi đầu tư phát triển	60.700	60.700	54.340	
2	Chi thường xuyên	302.850	399.735	356.810	
3	Dự phòng ngân sách	7.420	7.420	8.390	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**21.220**	**45.525**	**740**	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	21.220	45.525	740	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU **Biểu số 70/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**392.190**	**560.700**	**420.280**	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	205.239	182.297	185.810	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	186.951	331.259	234.470	
-	Thu bổ sung cân đối	150.041	150.041	233.730	
-	Bổ sung thực hiện tiền lương	15.690	15.690		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	21.220	165.528	740	
3	Thu kết dư		7.579		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		39.565		
II	**Chi ngân sách**	**392.190**	**513.380**	**420.280**	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	346.665	467.855	378.210	
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	45.525	45.525	42.070	
-	Chi bổ sung cân đối	36.654	36.654	40.870	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	8.871	8.871	1.200	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	**NGÂN SÁCH XÃ**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**76.241**	**83.865**	**75.673**	
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	30.716	24.789	33.603	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	45.525	45.525	42.070	
-	Thu bổ sung cân đối	33.326	33.326	40.870	
-	Bổ sung thực hiện tiền lương	3.328	3.328		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.871	8.871	1.200	
3	Thu kết dư		2.315		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.236		
II	**Chi ngân sách**	**76.241**	**79.516**	**75.673**	

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 71/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	**Thu nội địa**	**213.723**	**213.723**	**175.160**	**175.160**		
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do Huyện quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	77.043	77043,27	87.000	87.000		
5	Thuế thu nhập cá nhân	25.731	25731,43	20.000	20.000		
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	9.489	9.489,35	8.500	8.500		
8	Thu phí, lệ phí	2.929	2.928,72	3.600	3.600		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	144	143,8384	200	200		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.660	1659,807	500	500		
12	Thu tiền sử dụng đất	84.413	84413,23	45.000	45.000		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	12.073	12072,88	10.000	10.000		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	240	240	360	360		
II	**Thu viện trợ**						

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU **Biểu số 72/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**420.280**	**344.607**	**75.673**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	418.615	344.142	74.473
I	**Chi đầu tư phát triển**	**54.340**	**53.340**	**1.000**
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.040	44.040	1.000
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	300	300	
3	Chi đầu tư phát triển khác	9.000	9.000	
II	**Chi thường xuyên**	355.885	283.812	72.073
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	195.530	195.530	
2	*Chi khoa học và công nghệ*	130	130	
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**8.390**	**6.990**	**1.400**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**1.665**	**465**	**1.200**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**1.665**	**465**	**1.200**
	Chi hoạt động Ban ATGT	740	465	275
	Chi hỗ trợ tiền ăn cho LLTT theo NQ 15	205		205
	Chi Sự nghiệp môi trường QĐ16	720		720
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU **Biểu số 73/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**386.677**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**42.070**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**344.607**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	53.340
1	Chi đầu tư cho các dự án	44.040
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	300
3	Chi đầu tư phát triển khác	9.000
II	**Chi thường xuyên**	**284.277**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	195.530
2	Chi khoa học và công nghệ	130
3	Chi quốc phòng	2.744
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	750
5	Chi y tế, dân số và gia đình	2.544
6	Chi văn hóa thông tin	1.192
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	795
8	Chi thể dục thể thao	696
9	Chi bảo vệ môi trường	3.001
10	Chi các hoạt động kinh tế	21.705
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26.937
12	Chi bảo đảm xã hội	27.101
13	Chi thường xuyên khác	1.152
III	**Dự phòng ngân sách**	**6990**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 74/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**386.677**	**53.340**	**326.347**	**6.990**					
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**344.607**	**53.340**	**284.277**	**6.990**					
1	Văn phòng HĐND-UBND	4.004		4.004						
2	Phòng Nông nghiệp PTNT	758		758						
3	Phòng Tư pháp	558		558						
4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	4.199		4.199						
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.088		1.088						
6	Phòng Giáo dục đào tạo	193.839		193.839						
7	Phòng Y tế	211		211						
8	Phòng Lao động TBXH	30.577		30.577						
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	662		662						
10	Phòng Tài nguyên Môi trường	1.247		1.247						
11	Phòng Nội vụ	1.501		1.501						
12	Thanh tra huyện	606		606						
13	Mặt trận Tổ quốc	830		830						
14	Hội Phụ nữ	645		645						
15	Hội Nông dân	682		682						
16	Huyện đoàn	788		788						
17	Hội Cựu chiến binh	409		409						
18	Huyện ủy	7.062		7.062						
	Văn phòng Huyện ủy	*3.437*		*3.437*						
	Ban tổ chức	*1.059*		*1.059*						
	Ủy ban kiểm tra	*989*		*989*						
	Ban tuyên giáo	*819*		*819*						
	Ban dân vận	*758*		*758*						
19	Hội Đông y	387		387						
20	Hội Chữ thập đỏ	362		362						
21	Hội Người cao tuổi	113		113						
22	Hội người tù kháng chiến	113		113						
23	Hội Nạn nhân chất độc da cam	113		113						
24	Hội Cựu giáo chức	113		113						
25	Hội khuyến học	164		164						
26	Hội Cựu TNXP	113		113						
27	CLB Hưu trí	113		113						
28	Hội Luật gia	113		113						
29	Hội người mù	164		164						
30	Trung tâm GDTX	2.004		2.004						
31	Trung tâm Chính trị	1.400		1.400						
32	Trung tâm văn hóa thông tin, thể thao, truyền thanh	2.683		2.683						
33	An ninh	750		750						
34	Quốc phòng	2.744		2.744						
35	Sự nghiệp kinh tế	21.240		21.240						
	Trong đó: Trung tâm phát triển quỹ đất	806		*806*						
36	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng	43.840	43.840							
37	Trung tâm Phát triển quỹ đất	200	200							

38	Ngân hàng chính sách xã hội huyện Dương Minh Châu	300	300							
39	Ngân sách huyện	17.912	9.000	1.922	6.990					
	Chi tạo lập quỹ đất	*9.000*	*9.000*							
	Chi khác ngân sách	*1.152*		*1.152*						
	Mua sắm, sữa chữa	*770*		*770*						
	Dự phòng ngân sách huyện	*6.990*			*6.990*					
II	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**									
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**									
IV	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**42.070**		**42.070**						
V	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**									

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 75/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ															
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XA HỘI	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	ĐẦU TƯ KHÁC
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	**53.340**	**7.251**	-	-	**990**	-	**1.233**	-	-	-	**20.092**	-	-	**14.114**	-	**160**	**9.500**
1	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng	**43.840**	7.251			990		1.233				20.092			14.114		160	
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất	**200**																200
3	Ngân hàng chính sách xã hội huyện Dương Minh Châu	**300**																300
4	Ngân sách huyện: Chi tạo lập quỹ đất	**9.000**																9.000
...	...																	

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 76/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ														
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	**284.277**	**192.126**	**130**	-	-	**2.544**	-	-	-	**2.986**	**465**	-	-	**57.773**	**27.101**	**1.152**
1	Văn phòng HĐND-UBND	4.004													4.004		
2	Phòng Nông nghiệp PTNT	758													758		
3	Phòng Tư pháp	558									5				553		
4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	4.199		130							2.661	465			943		
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.088													1.088		
6	Phòng Giáo dục đào tạo	193.839	192.126												1.713		
7	Phòng Y tế	211													211		
8	Phòng Lao động TBXH	30.577					2.544								932	27.101	
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	662													662		
10	Phòng Tài nguyên Môi trường	1.247									320				927		
11	Phòng Nội vụ	1.501													1.501		
12	Thanh tra huyện	606													606		
13	Mặt trận Tổ quốc	830													830		
14	Hội Phụ nữ	645													645		
15	Hội Nông dân	682													682		
16	Huyện đoàn	788													788		
17	Hội Cựu chiến binh	409													409		
18	Huyện ủy	7.062													7.062		
	Văn phòng Huyện ủy	*3.437*													*3.437*		
	Ban tổ chức	*1.059*													*1.059*		
	Ủy ban kiểm tra	*989*													*989*		
	Ban tuyên giáo	*819*													*819*		
	Ban dân vận	*758*													*758*		
19	Hội Đông y	387													387		
20	Hội Chữ thập đỏ	362													362		

21	Hội Người cao tuổi	113													113		
22	Hội người tù kháng chiến	113													113		
23	Hội Nạn nhân chất độc da cam	113													113		
24	Hội Cựu giáo chức	113													113		
25	Hội khuyến học	164													164		
26	Hội Cựu TNXP	113													113		
27	CLB Hưu trí	113													113		
28	Hội Luật gia	113													113		
29	Hội người mù	164													164		
30	Trung tâm GDTX	2.004													2.004		
31	Trung tâm Chính trị	1.400													1.400		
32	Trung tâm văn hóa thông tin, thể thao, truyền thanh	2.683													2.683		
33	An ninh	750													750		
34	Quốc phòng	2.744													2.744		
35	Sự nghiệp kinh tế	21.240													21.240		
	Trong đó: Trung tâm phát triển quỹ đất	806													806		
40	Ngân sách huyện	1.922													770		1.152
...	...																

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU **Biểu số 78/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	**1.200**	**-**	**1.200**	**-**
1	Thị trấn	25		25	
2	Xã Suối Đá	212		212	
3	Xã Phan	25		25	
4	Xã Bàu Năng	25		25	
5	Xã Chà Là	530		530	
6	Xã Cầu Khởi	258		258	
7	Xã Truông Mít	25		25	
8	Xã Lộc Ninh	25		25	
9	Xã Bến Củi	25		25	
10	Xã Phước Minh	25		25	
11	Xã Phước Ninh	25		25	

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 77/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp					Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra							
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	Xã quản lý thu	Huyện quản lý thu				
A	B	1	2=3+4	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	**9.280**	**33.603**	**2.480**	**31.123**	**5.230**	**25.893**	**42.070**	-	-	**75.673**
1	Thị trấn	1.350	4.001	325	3.676	798	2.878	3.188			7.189
2	Xã Suối Đá	780	7.664	190	7.474	430	7.044	212			7.876
3	Xã Phan	340	4.152	115	4.037	177	3.860	2.292			6.444
4	Xã Bàu Năng	1.600	2.973	270	2.703	1.033	1.670	3.916			6.889
5	Xã Chà Là	800	2.353	415	1.938	298	1.640	5.121			7.474
6	Xã Cầu Khởi	730	1.887	220	1.667	405	1.262	4.398			6.285
7	Xã Truông Mít	1.530	4.003	250	3.753	976	2.777	2.792			6.795
8	Xã Lộc Ninh	800	1.569	220	1.349	444	905	4.404			5.973
9	Xã Bến Củi	200	1.108	100	1.008	76	932	5.008			6.116
10	Xã Phước Minh	750	2.076	180	1.896	437	1.459	5.563			7.639
11	Xã Phước Ninh	400	1.817	195	1.622	156	1.466	5.176			6.993

UBND HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

Biểu số 79/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia An toàn giao thông						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
	TỔNG SỐ	**740**	**-**	**740**	**740**	**-**	**-**	**-**	**740**	**740**	**-**
I	**Ngân sách cấp huyện**	**465**	**-**	**465**	**465**	**-**	**-**	**-**	**465**	**465**	**-**
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	465		465	465				465	465	
II	**Ngân sách xã**	**275**	**-**	**275**	**275**	**-**	**-**	**-**	**275**	**275**	**-**
1	Thị trấn	25		25	25				25	25	
2	Xã Suối Đá	25		25	25				25	25	
3	Xã Phan	25		25	25				25	25	
4	Xã Bàu Năng	25		25	25				25	25	
5	Xã Chà Là	25		25	25				25	25	
6	Xã Cầu Khởi	25		25	25				25	25	
7	Xã Truông Mít	25		25	25				25	25	
8	Xã Lộc Ninh	25		25	25				25	25	
9	Xã Bến Củi	25		25	25				25	25	
10	Xã Phước Minh	25		25	25				25	25	
11	Xã Phước Ninh	25		25	25				25	25	